

BÀI 1. CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CƠ BẢN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Nhận biết:

Câu 1: Khi tiến hành phân bổ nguyên vật liệu của công ty tới các bộ phận khác nhau trong dây chuyền sản xuất, quá trình này gắn liền với hoạt động nào dưới đây của nền kinh tế xã hội ?

- A. sản xuất. B. tiêu dùng. C. phân phối. D. trao đổi.

Câu 2: Trong các hoạt động của con người, hoạt động sản xuất đóng vai trò là hoạt động

- A. quyết định nhất. B. bình thường nhất. C. thiết yếu nhất. D. cơ bản nhất.

Câu 3: Trong nền kinh tế xã hội, hoạt động đóng vai trò cơ bản nhất, quyết định các hoạt động khác của đời sống xã hội là hoạt động

- A. sản xuất. B. phân phối. C. tiêu dùng. D. trao đổi.

Câu 4: Trong nền kinh tế, việc tiến hành phân chia kết quả sản xuất cho tiêu dùng được gọi là

- A. sản xuất của cải vật chất. B. phân phối cho sản xuất
C. phân phối cho tiêu dùng. D. tiêu dùng cho sản xuất.

Câu 5: Trao đổi là hoạt động đưa sản phẩm đến tay người

- A. lao động. B. tiêu dùng. C. phân phối. D. sản xuất.

Câu 6: Phân phối - trao đổi là hoạt động có vai trò

- A. giải quyết lợi ích kinh tế của chủ doanh nghiệp. B. là cầu nối sản xuất với tiêu dùng.
C. phân bổ nguồn lực cho sản xuất kinh doanh. D. là động lực kích thích người lao động.

Câu 7: Trong mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng, thì phân phối và trao đổi đóng vai trò là

- A. trung gian. B. liên kết. C. quyết định D. cơ bản.

Câu 8: Trong nền kinh tế, việc tiến hành phân chia các yếu tố sản xuất cho các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm được gọi là

- A. trao đổi trong sản xuất. B. tiêu dùng cho sản xuất.
C. sản xuất của cải vật chất. D. phân phối cho sản xuất

Câu 9: Hoạt động nào dưới đây được coi như là đơn hàng của xã hội đối với sản xuất ?

- A. sản xuất. B. lao động. C. phân phối. D. tiêu dùng.

B. tiêu dùng sản phẩm.

D. triết tiêu sản phẩm.

D. trao đổi.

D. phân phối.

B. Hoạt động phân phối - trao đổi.

D. Hoạt động sản xuất - tiêu dùng.

B. Sản xuất, kinh doanh, trao đổi, thu nhập.

D. Sản xuất, phân phối, trao đổi, cạnh tranh.

B. Việc tạo ra của cải vật chất cho xã hội.

D. Việc tiêu dùng sản phẩm của xã hội

B. Chế biến gạo thành phẩm

D. Bán gạo lấy tiền mua vớ

B. Phân phối và trao đổi.

D. Phân phối và tiêu dùng.

B. May quần áo để bán.

D. Bán lại quần áo đã nhập.

Câu 19: Trong nền kinh tế xã hội, hoạt động nào dưới đây gắn liền với hoạt động trao đổi?

- A. Hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu. B. Đẩy mạnh việc bán hàng trực tuyến.
C. Xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài. D. Đẩy mạnh sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

Đọc thông tin trả lời đúng, sai

Câu 1: Công nghệ sản xuất sản phẩm âm nhạc là một quy trình khép kín, bao gồm nhiều công đoạn được gắn kết với nhau. Thông qua các nền tảng số, hạ tầng số, những sản phẩm âm nhạc có giá trị nghệ thuật và tính nhân văn cao sẽ đến với công chúng, đi sâu vào đời sống tinh thần của nhân dân và đóng góp tích cực cho việc thưởng thức âm nhạc của công chúng, cũng như góp phần định hướng dư luận. Những sản phẩm âm nhạc đó giúp con người sống tốt hơn, nhân văn hơn và đóng góp cho xã hội nhiều hơn.

- a) Hoạt động sản xuất âm nhạc là biểu hiện của hoạt động sản xuất
b) Những tác phẩm có giá trị nghệ thuật và nhân văn chính là thể hiện trách nhiệm xã hội của chủ thể kinh tế.
c) Hoạt động thưởng thức âm nhạc của công chúng không phản ánh hoạt động tiêu dùng.
d) Quá trình truyền tải các sản phẩm âm nhạc của nhà sản xuất thông qua các nền tảng số và hạ tầng số để đưa sản phẩm đến tay công chúng là biểu hiện của hoạt động phân phối.

Câu 2: Nhận thấy nhu cầu tiêu thụ hoa dịp 8/3 của người dân, đặc biệt là các bạn trẻ rất lớn. Bạn K đã bàn và được bạn T đồng ý cùng nhau dùng số tiền tiết kiệm của mình để thực hiện ý tưởng kinh doanh. Sau khi đã chuẩn bị các vật dụng cần thiết cho việc bán hoa, cũng như nguồn hàng và địa điểm bán hàng. Nhờ khéo tay và ham học hỏi, thông qua việc quảng cáo trực tiếp tại địa điểm bán và kết nối thông qua mạng xã hội, những bó hoa vô cùng xinh xắn và có giá trị nghệ thuật của K và T được khách hàng yêu thích và ủng hộ. Việc kinh doanh trên đem lại cho K và T một số tiền nhỏ. Hai bạn dự định dùng số tiền ấy tham gia một khóa học về cắm hoa, nhằm phát triển năng khiếu của bản thân.

- a) Việc chuẩn bị các vật dụng cũng như các nguồn lực cho việc thực hiện ý tưởng bán hoa vào ngày 8/3 là biểu hiện của hoạt động sản xuất.
b) Bạn K và bạn T đã sử dụng hiệu quả hình thức phân phối là quảng cáo trực tiếp tại địa điểm bán và kết nối thông qua mạng xã hội.
c) Khách hàng đã đón nhận những bó hoa xinh xắn và yêu thích là biểu hiện của hoạt động phân phối sản phẩm.
d) Bạn K và bạn T vừa đóng vai trò là chủ thể sản xuất vừa đóng vai trò là chủ thể tiêu dùng

Câu 3: Với sự phát triển mạnh mẽ, mô hình xe công nghệ, dịch vụ taxi, "xe ôm" công nghệ thân thiện với môi trường, giao hàng nhanh,... tại các thành phố lớn ngày càng trở nên sôi động hơn. Để hoạt động này đạt hiệu quả và chuyên nghiệp. Các hãng xe không ngừng tuyển dụng tài xế và ký kết hợp đồng, chuẩn bị phương tiện, trang phục và các kỹ năng cơ bản cho tài xế. Để kết nối khách hàng, các hãng đã đầu tư các app tiện lợi trên điện thoại và các ứng dụng tìm kiếm phù hợp nhằm tối ưu hóa việc nắm bắt và kết nối tới khách hàng. Việc này góp phần phát triển nền kinh tế - xã hội, tạo việc làm và nhu cầu sử dụng lao động, làm thay đổi thói quen sinh hoạt và di chuyển của người dân theo hướng tiện lợi, tích cực.

- a) Việc sử dụng các dịch vụ xe ôm công nghệ thân thiện với môi trường là thể hiện trách nhiệm xã hội của người tiêu dùng.

- b) Việc người dân sử dụng các dịch vụ xe ôm công nghệ để di chuyển là hoạt động tiêu dùng.
- c) Các hãng xe mở app trên phần mềm, tài xế kết nối với khách hàng qua app trên điện thoại, khách là thực hiện hoạt động phân phối trao đổi.
- d) Hoạt động xe tuyển dụng tài xế và kí kết hợp đồng, chuẩn bị phương tiện, trang phục cho tài xế là biểu hiện của hoạt động tiêu dùng.

Câu 4: Bán hàng trực tuyến là một hình thức kinh doanh được nhiều bạn trẻ thử sức vì không tốn chi phí thuê mặt bằng, nguồn nhân lực, có thể cạnh tranh với các cửa hàng khác, mang lại nguồn thu nhập hàng tháng thông qua sử dụng các công cụ truyền thông để quảng cáo các sản phẩm của mình. Người tiêu dùng ngày càng thích sử dụng hình thức mua sắm trực tuyến này vì có nhiều tiện lợi. Tuy nhiên, hình thức bán hàng này cũng tiềm ẩn một vài nhược điểm như: mất thời gian chờ đợi hàng hoá đến tay, sản phẩm nhận được đôi khi không đúng với quảng cáo.

- a) Bán hàng trực tuyến là một hình thức phân phối cho tiêu dùng.
- b) Hoạt động bán hàng trực tuyến tiềm ẩn nhiều nguy cơ tiêu cực đối với người tiêu dùng.
- c) Việc người tiêu dùng ngày càng thích sử dụng hình thức bán hàng trực tuyến thể hiện trách nhiệm xã hội của người tiêu dùng.
- d) Bán hàng trực là biểu hiện của hình thức phân phối – trao đổi.

BÀI 2: CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

Nhận biết:

Câu 1: Trong nền kinh tế hàng hóa, chủ thể nào dưới đây tiến hành các hoạt động mua hàng rồi bán lại cho các đại lý?

- A. chủ thể nhà nước.
- B. chủ thể tiêu dùng.
- C. chủ thể sản xuất.
- D. chủ thể trung gian.

Câu 2: Chủ thể sản xuất là những người DT18

- A. phân phối hàng hóa, dịch vụ.
- B. hỗ trợ sản xuất hàng hóa, dịch vụ.
- C. trao đổi hàng hóa, dịch vụ.
- D. sản xuất ra hàng hóa, dịch vụ.

Câu 3: Trong nền kinh tế, chủ thể nào đóng vai trò là cầu nối giữa chủ thể sản xuất và chủ thể tiêu dùng?

- A. chủ thể trung gian.
- B. chủ thể sản xuất.
- C. chủ thể tiêu dùng.
- D. chủ thể nhà nước.

Câu 4: Chủ thể nào đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra hàng hoá cho xã hội, phục vụ nhu cầu tiêu dùng?

- A. Chủ thể trung gian.
- B. Chủ thể nhà nước.
- C. Chủ thể tiêu dùng.
- D. Chủ thể sản xuất.

Câu 5: Trong nền kinh tế, chủ thể trung gian đóng vai trò như thế nào trong mối quan hệ với chủ thể sản xuất và chủ thể tiêu dùng?

- A. độc lập. B. cầu nối. C. cuối cùng. D. sản xuất.

Câu 6: Trong nền kinh tế nước ta, chủ thể nào đóng vai trò quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân?

- A. chủ thể trung gian. B. chủ thể nhà nước.
C. chủ thể tiêu dùng. D. chủ thể sản xuất.

Câu 7: Trong nền kinh tế hàng hóa, người tiến hành các hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn các nhu cầu tiêu dùng cá nhân được gọi là

- A. chủ thể tiêu dùng. B. chủ thể trung gian.
C. chủ thể nhà nước. D. chủ thể sản xuất.

Câu 8: Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể sản xuất?

- A. Người tiêu dùng. B. Cơ quan nhà nước. C. Nhà đầu tư. D. Người ship hàng.

Câu 9: Chủ thể tiêu dùng có vai trò như thế nào đối với nền kinh tế?

- A. Định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển.
B. Kết nối quan hệ mua - bán trong nền kinh tế.
C. Sử dụng các yếu tố sản xuất tạo ra sản phẩm.
D. Tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sự phát triển kinh tế.

Câu 10: Điều tiết và tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành kinh tế khác nhau hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả là vai trò của chủ thể kinh tế nào?

- A. Chủ thể sản xuất B. Chủ thể tiêu dùng
C. Chủ thể trung gian D. Chủ thể Nhà nước

Thông hiểu:

Câu 11: Chủ thể trung gian **không** có vai trò nào dưới đây ?

- A. Cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng.
B. Phân phối hàng hóa đến tay người tiêu dùng.
C. Thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng hiệu quả.
D. Tạo ra sản phẩm hàng hóa cho người tiêu dùng.

Câu 12: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của chủ thể nhà nước?

- A. Gia tăng tỷ lệ thất nghiệp. B. Tạo môi trường pháp lý thuận lợi.
C. Đảm bảo xã hội ổn định. D. Đảm bảo ổn định chính trị.

Câu 13: Trong nền kinh tế hàng hóa, chủ thể tiêu dùng thường gắn với việc làm nào dưới đây?

A. Mua gạo về ăn.

B. Giới thiệu việc làm.

C. Sản xuất hàng hóa.

D. Phân phối hàng hóa.

Câu 14: Đối tượng nào dưới đây **không** đóng vai trò là chủ thể trung gian?

A. Người môi giới việc làm.

B. Nhà phân phối.

C. Người mua hàng.

D. Đại lý bán lẻ.

Câu 15: Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây **không** đóng vai trò là chủ thể sản xuất?

A. Hộ kinh doanh.

B. Người kinh doanh.

C. Người sản xuất.

D. Người tiêu dùng.

Câu 16: Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể trung gian khi tham gia vào các quan hệ kinh tế?

A. Hộ kinh tế gia đình.

B. Ngân hàng nhà nước.

C. Nhà đầu tư bất động sản.

D. Trung tâm siêu thị điện máy.

Câu 17: Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể sản xuất?

A. Kho bạc nhà nước.

B. Người hoạt động kinh doanh.

C. Người tiêu dùng.

D. Ngân hàng nhà nước.

Câu 18: Trong nền kinh tế hàng hóa, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể trung gian trong nền kinh tế?

A. Kho bạc nhà nước các cấp.

B. Nhà máy sản xuất phân bón.

C. Trung tâm môi giới việc làm.

D. Ngân hàng chính sách xã hội.

Câu 19: Trong nền kinh tế hàng hóa, việc làm nào dưới đây thể hiện vai trò của chủ thể nhà nước?

A. Tiếp thị sản phẩm hàng hóa.

B. Hoàn thiện hệ thống pháp luật.

C. Môi giới bất động sản.

D. Tìm hiểu giá cả thị trường

Câu 20: Chủ thể trung gian **không** có vai trò nào dưới đây ?

A. Trung gian giữa sản xuất và tiêu dùng.

B. Là mục đích cuối cùng của sản xuất.

C. Môi giới trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

D. Thúc đẩy phân phối hàng hóa thuận lợi.

BÀI 3: THỊ TRƯỜNG

Nhận biết:

Câu 1: Trong nền kinh tế hàng hóa, một trong những chức năng cơ bản của thị trường là chức năng

B. đo lường giá trị hàng hóa.

D. biểu hiện bằng giá cả.

A. cung – cạnh tranh. **B.** cung – tiêu dùng. **C.** cung – sản xuất. **D.** cung – cầu.

A. Người làm dịch vụ. **B.** Nhà nước. **C.** Thị trường. **D.** Người sản xuất.

A. Phạm vi hàng hoá.

C. Tính chất hàng hoá. **D. Vai trò hàng hoá.**

A. biểu hiện giá trị hàng hóa. **B.** làm môi giới trao đổi hàng hoá.

C. thông tin giá cả hàng hóa. **D. trao đổi giá trị hàng hóa.**

A. hàng hoá, giá cả, người bán, giá trị. **B.** hàng hoá, tiền tệ, giá cả, người mua.

C. hàng hoá, tiền tệ, người mua, người bán. **D.** tiền tệ, giá cả, người mua, người bán.

A. Cung cấp thông tin.

C. Thúc đẩy độc quyền. **D. Phương tiện cất trữ.**

A. Quan hệ sản xuất hàng hoá.

C. Quan hệ trao đổi, mua bán hàng hoá. **D. Quan hệ tiêu dùng hàng hoá.**

A. trong nước và quốc tế. **B.** hoàn hảo và không hoàn hảo.

C. truyền thông và trực tuyến. **D. cung - cầu về hàng hóa.**

A. Phạm vi các quan hệ mua bán, trao đổi. **B. Vai trò của các đối tượng mua bán, trao đổi.**

C. Phạm vi đối tượng mua bán, trao đổi.

Câu 11: Các loại thị trường nào dưới đây được hình thành dựa trên vai trò của đối tượng giao dịch, mua bán

- A.** Thị trường gạo, cà phê, thép. **B.** Thị trường tiêu dùng, lao động.
C.Thị trường hoàn hảo và không hoàn hảo. **D.** Thị trường trong nước và quốc tế.

Câu 12: Các loại thị trường nào dưới đây được hình thành dựa trên đối tượng giao dịch, mua bán

- A.** Thị trường gạo, cà phê, thép. **B.** Thị trường tiêu dùng, lao động.
C.Thị trường hoàn hảo và không hoàn hảo. **D.** Thị trường trong nước và quốc tế.

Câu 13: Một trong những quan hệ cơ bản của thị trường là quan hệ

- A.** Hàng hoá – tiêu dùng. **B.** Hàng hóa – tiền tệ.
C. Tiền tệ – nhà nước. **D.** Nhà nước – tiêu dùng.

Câu 14: Trong nền kinh tế hàng hóa, một trong những chức năng cơ bản của thị trường là chức năng

- A. thừa nhận hàng hoá. B. kiểm tra hàng hoá. C. đánh giá hàng hoá. D. trao đổi hàng hóa.**

Câu 15: Lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ được gọi là

- A.** thương trường. **B.** doanh nghiệp. **C.** nhà nước. **D.** thị trường.

Câu 16: Việc người sản xuất luân chuyển hàng hóa từ nơi này đến nơi khác thông qua sự biến động của giá cả thị trường là thực hiện chức năng nào sau đây của thị trường?

- A. Kiểm tra.** **B. Thanh toán.** **C. Điều tiết.** **D. Cắt trừ.**

Thông hiểu:

Câu 17: Hành vi chủ thể kinh tế nào dưới đây **không** đúng khi tham gia vào thị trường? D

- A.** Doanh nghiệp bán lẻ F tăng giá các mặt hàng khi chi phí vận chuyển tăng cao.
- B.** Giá rau ở chợ E tăng đột biến do rau khan hiếm, nhập về ít.
- C.** Công ti G giảm giá mua thanh long do đối tác ngừng hợp đồng thu mua.
- D.** Trạm xăng dầu Q đóng cửa không bán vì giá xăng tăng lên vào ngày mai.

Câu 18: Trong nền kinh tế hàng hóa, thị trường **không** có chức năng cơ bản nào sau đây?

- A.** Điều tiết sản xuất, lưu thông. **B.** Cung cấp thông tin.
- C.** Thừa nhận công dụng hàng hóa. **D.** Phương tiện cất trữ.

Câu 19: Nội dung nào dưới đây **không** phải là chức năng của thị trường?

- A.** Cung cấp hàng hoá, dịch vụ ra thị trường.
- B.** Điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.

C. Cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng.

D. Thừa nhận công dụng xã hội của hàng hoá.

Câu 20: Khi người bán đem hàng hoá ra thị trường, hàng hoá nào thích hợp với nhu cầu của xã hội thì bán được, điều đó thể hiện chức năng nào của thị trường?

A. Gắn kết nền kinh tế thành một chỉnh thể.

B. Kích thích sự sáng tạo của mỗi chủ thể kinh tế.

C. Thừa nhận giá trị và giá trị sử dụng.

D. Gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới.

Câu 21: Thị trường **không** bao gồm quan hệ nào dưới đây ?

A. Cung - cầu. B. Hàng hóa – tiền tệ. C. Mua – bán. D. Thông tin - sản xuất.

Câu 22: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, để kịp thời đưa ra quyết định nhằm thu lợi nhuận cao, người bán hàng phải căn cứ vào chức năng nào dưới đây của thị trường?

A. Thanh toán. B. Thông tin. C. Điều phối. D. Thực hiện.

Câu 23: Phát biểu nào dưới đây **không** đúng về thị trường?

A. Thị trường là nơi người này tiếp xúc với người kia để trao đổi một thứ gì đó khan hiếm, cùng xác định giá và số lượng trao đổi.

B. Thị trường là nơi người bán và người mua tiếp xúc với nhau để trao đổi, mua bán.

C. Thị trường là nơi những người mua tiếp xúc với nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá.

D. Thị trường là nơi người bán muốn tối đa hoá lợi nhuận, người mua muốn tối đa hoá sự thoả mãn thu được từ sản phẩm họ mua.

Câu 24: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi một hàng hóa đem ra thị trường và không được thị trường chấp nhận khi đó chức năng nào dưới đây của thị trường chưa được thực hiện?

A. Phân hóa giữa những người sản xuất.

B. Thừa nhận các thuộc tính hàng hóa.

C. Thông tin cho người sản xuất.

D. Điều tiết sản xuất và lưu thông.

Câu 25: Đến trung thu, bà F mạnh dạn mở rộng quy mô sản xuất bánh để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Vậy bà F đang thực hiện chức năng cơ bản nào của thị trường?

A. Chức năng thông tin.

B. Chức năng điều tiết.

C. Chức năng thừa nhận.

D. Chức năng thực hiện.

BÀI 4: CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

Nhận biết:

Câu 1: Số tiền phải trả cho một hàng hoá để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó được gọi là

- A. giá trị sử dụng
- B. tiêu dùng sản phẩm.
- C. phân phối sản phẩm.
- D. giá cả hàng hoá.

Câu 2: Xét về mặt bản chất của nền kinh tế, việc điều tiết của cơ chế thị trường được ví như

- A. bàn tay hữu hình.
- B. hệ thống pháp luật.
- C. ý niệm tuyệt đối.
- D. bàn tay vô hình.

Câu 3: Giá bán thực tế của hàng hoá do tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định được gọi là

- A. giá cả cá biệt.
- B. giá cả thị trường.
- C. giá cả thặng dư.
- D. giá cả sử dụng.

Câu 4: Hệ thống các quan hệ mang tính điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế được gọi là

- A. Sản xuất thị trường.
- B. Cơ chế thị trường.
- C. Giá cả thị trường.
- D. Kinh tế thị trường.

Câu 5: Một trong những tác động tích cực của cơ chế thị trường là

- A. tăng cường đầu cơ tích trữ.
- B. hủy hoại môi trường sống.
- C. xuất hiện nhiều hàng giả.
- D. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 6: Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, mặt tích cực của cơ chế thị trường thể hiện ở việc, các chủ thể kinh tế vì nhằm giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. đầu tư đổi mới công nghệ.
- B. bán hàng giả gây rối thị trường.
- C. hủy hoại tài nguyên thiên nhiên.
- D. xả trực tiếp chất thải ra môi trường.

Câu 7: Trong nền kinh tế hàng hóa, giá cả thị trường được hình thành thông qua việc thỏa thuận giữa các chủ thể kinh tế tại

- A. quốc gia giàu có.
- B. thời điểm cụ thể.
- C. một cơ quan nhà nước.
- D. một địa điểm giao hàng.

Câu 8: Một trong những tác động tích cực của cơ chế thị trường là

- A. tận diệt nguồn tài nguyên.
- B. phân bổ mọi nguồn thu nhập.
- C. kích thích sản xuất phát triển.
- D. chi đều mọi nguồn lợi nhuận.

Câu 9: Cơ chế thị trường là gì

- A. Cơ chế hoạt động tự do không cần theo quy luật.

- B. cơ chế tự điều chỉnh tuân theo các quy luật kinh tế.
- C. Cơ chế hoạt động theo ý chí của Nhà nước.
- D. Cơ chế phục vụ cho lợi ích tối cao của người tiêu dùng.

Thông hiểu:

Câu 10: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về cơ chế thị trường?

- A. Cơ chế thị trường luôn luôn mang tính chất năng động, tích cực trong kinh tế thị trường.
- B. Cơ chế thị trường kìm hãm doanh nghiệp cải tiến kĩ thuật, hợp lí hoá sản xuất, đổi mới khoa học công nghệ ứng dụng.
- C. Cơ chế thị trường kích thích mọi doanh nghiệp phải linh hoạt để cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ có chất lượng.
- D. Cơ chế thị trường kích thích tối đa hoạt động của các chủ thể kinh tế hướng đến mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận, tối đa hoá chi phí.

Câu 11: Nội dung nào dưới đây **không** phải là chức năng của giá cả?

- A. Cung cấp thông tin để các chủ thể kinh tế điều chỉnh.
- B. Giá cả điều tiết quy mô sản xuất của các doanh nghiệp.
- C. Giá cả điều tiết hành vi của người tiêu dùng.
- D. Giá cả thúc đẩy sự bất bình đẳng xã hội.

Câu 12: Khi các chủ thể kinh tế căn cứ vào các thông tin của giá cả thị trường để đưa ra các quyết định phù hợp nhằm thu được lợi nhuận về mình là nói về

- | | |
|------------------------------------|------------------------------------|
| A. khái niệm giá cả thị trường. | B. quy luật của giá cả thị trường. |
| C. bản chất của giá cả thị trường. | D. chức năng giá cả thị trường. |

Câu 13: Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, mặt tích cực của cơ chế thị trường thể hiện ở việc, các chủ thể kinh tế nhằm giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- | | |
|---|--------------------------------|
| A. chạy theo lợi nhuận làm hàng giả | B. nâng cao năng suất lao động |
| C. triệt tiêu động lực sản xuất kinh doanh. | D. lạm dụng chất cấm. |

Câu 14: Nhận định nào dưới đây **không** nói về nhược điểm của cơ chế thị trường.

- A. Có thể gây ra tình trạng Nhà nước bị thất thu thuế.
- B. Là công cụ quản lý vĩ mô nền kinh tế.
- C. Tiềm ẩn rủi ro làm cho nền kinh tế mất cân đối.
- D. Có thể gây ra tình trạng người sản xuất bị thua lỗ.

Câu 15: Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, mặt tích cực của cơ chế thị trường thể hiện ở việc, các chủ thể kinh tế nhằm giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. hủy hoại tài nguyên môi trường.
- B. tung tin bịa đặt về đối thủ.
- C. hợp lý hóa sản xuất
- D. sử dụng những thủ đoạn phi pháp.

Câu 16: Chủ thể kinh tế nào dưới đây **không** tôn trọng quy luật khách quan của cơ chế thị trường?

- A. Công ti H đã chế tạo bao bì sản phẩm bánh kẹo nhái thương hiệu nổi tiếng để bán ra thị trường.
- B. Hộ kinh doanh T đã hạ giá thu mua thanh long tại vườn do thị trường xuất khẩu đóng cửa vì dịch bệnh.
- C. Do nhu cầu đi lại của người dân trong dịch Tết tăng cao, Công ti A đã tăng số chuyến xe trong ngày.
- D. Công ti R cung cấp mặt hàng thịt bò đông lạnh cho hệ thống siêu thị C theo đúng yêu cầu.

Đọc thông tin trả lời đúng sai

Câu 1: Trong những năm qua, cơ cấu sản xuất một số loại nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam thường xuyên biến động, mà nguyên nhân chính là do biến động giá cả. Sự tăng giá hồ tiêu giai đoạn 2010 - 2015 khiến nhiều hộ nông dân các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Đắk Lắk phá bỏ vườn cà phê, vườn điều để chuyển sang trồng hồ tiêu. Tuy nhiên, do sự cạnh tranh từ các nước khác có cùng thế mạnh trồng hồ tiêu làm thị trường xuất khẩu của Việt Nam bị thu hẹp, giá hồ tiêu giảm mạnh từ năm 2017 đến năm 2019. Nhiều hộ trồng hồ tiêu lại chuyển sang trồng các loại cây ăn quả xuất khẩu tốt, hiện có giá cao như chuối, mít, sầu riêng, bưởi,

- a) Giá cả nông sản của Việt Nam chịu tác động rất lớn từ thị trường thế giới.
- b) Người nông dân liên tục chuyển đổi mô hình sản xuất là phù hợp với quy luật của giá cả thị trường.
- c) Cơ quan nhà nước cần dự báo và đưa ra khuyến cáo kịp thời tránh người dân ồ ạt chuyển đổi cây trồng.
- d) Việc thay đổi liên tục cơ cấu cây trồng sẽ dẫn đến lãng phí nguồn lực sản xuất.

Câu 2: Nông sản Việt Nam ngày càng được ưa chuộng tại các thị trường yêu cầu sản phẩm chất lượng cao ở châu Âu và Hoa Kỳ. Tại Đức, Việt Nam hiện là nguồn cung cấp hạt điều số một, nhờ sản lượng ổn định và chất lượng đảm bảo. Việt Nam cũng là nguồn cung cà phê lớn nhất tại thị trường Nga về sản lượng và đứng thứ hai ở thị trường này về kim ngạch sau Braxin. Trong 9 tháng đầu năm 2021, Nga nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đạt trên 61 000 tấn, trị giá 116 triệu USD, giảm 8% về lượng, nhưng tăng 4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Việt Nam là thị trường cung cấp hàng rau quả chế biến lớn thứ mười một cho Hoa Kỳ trong 9 tháng đầu năm 2021, kim ngạch đạt 171,9 triệu USD, tăng 49,9% so với cùng kỳ năm 2020. Việt Nam chiếm 2,3% tổng trị giá nhập khẩu của Hoa Kỳ trong lĩnh vực này, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm 2020.

- a) Việc các nước tăng cường nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam thể hiện ưu điểm của cơ chế thị trường.
- b) Từ thông tin trên, Việt Nam cần có chiến lược xuất khẩu bài bản, ổn định để phù hợp với đòi hỏi của thị trường thế giới.

c) Chủ thể nhà nước cần tiếp tục có chính sách hỗ trợ người sản xuất để giữ vững vai trò xuất khẩu của Việt Nam.

d) Người sản xuất không cần thay đổi vì hàng Việt Nam đã khẳng định được vị thế.

Câu 3: Theo Tổng cục Thống kê, do nhu cầu tiêu dùng của người dân trong dịp Lễ ông Công, ông Táo và chuẩn bị Tết tăng cao, giá hàng hoá và dịch vụ thiết yếu tăng vào dịp Tết. Giá tiêu dùng tháng 01/2022 của một số nhóm hàng thực phẩm tăng so với tháng trước như sau: Giá thịt lợn tháng 01/2022 tăng 1,79%; giá trứng các loại tăng 0,91%; giá thịt gia cầm tươi sống tăng 0,57%.

a) Từ thông tin trên cho thấy giá cả một số mặt hàng thiết yếu sẽ tăng vào dịp trước tết.

b) Chủ thể sản xuất có thể điều chỉnh để tăng quy mô sản xuất các mặt hàng thiết yếu này là phù hợp.

c) Chủ thể trung gian có thể điều chỉnh việc tăng, giảm sản lượng thu mua; điều tiết lưu thông sản phẩm hạt tiêu tới các thị trường.

d) Chủ thể nhà nước không cần hành động vì quy luật cung cầu sẽ tự điều tiết.

Câu 4: Doanh nghiệp T chuyên sản xuất và cung ứng các sản phẩm mỹ nghệ làm bằng tre, doanh nghiệp đã đầu tư hệ thống máy móc và quy trình sản xuất hiện đại nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Sản phẩm của doanh nghiệp đã cạnh tranh tốt với các doanh nghiệp khác và tạo niềm tin với người tiêu dùng.

a) Doanh nghiệp T vừa là chủ thể sản xuất vừa là chủ thể trung gian.

b) Việc sản phẩm của doanh nghiệp đã cạnh tranh tốt với các doanh nghiệp khác và tạo niềm tin với người tiêu dùng là thể hiện chức năng điều tiết sản xuất.

c) Việc sản phẩm của doanh nghiệp đã cạnh tranh tốt với các doanh nghiệp khác chứng tỏ doanh nghiệp đã thực hiện tốt cơ chế thị trường.

d) Việc ứng dụng máy móc và quá trình sản xuất là sự vận dụng đúng các yêu cầu của cơ chế thị trường.

BÀI 5: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Nhận biết:

Câu 1: Theo quy định của Luật ngân sách, Ngân sách nhà nước không gồm các khoản thu nào?

A. Thu viện trợ.

B. Thu từ dầu thô.

C. Thu từ đầu tư phát triển.

D. Thu nội địa.

Câu 2: Ngân sách nhà nước là

A. bản dự trù thu chi tài chính của Nhà nước trong một khoảng thời gian nhất định.

B. quỹ tiền tệ tập trung chi cho cơ sở hạ tầng và an sinh xã hội.

C. khoản thu của những quan hệ kinh tế phát sinh trong thị trường kinh tế.

D. khoảng dự trù thu chi từ dân và cho dân.

Câu 3: Ngân sách nhà nước do cơ quan nào quyết định để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước?

A. Chính phủ.

B. Chủ tịch nước.

C. cơ quan địa phương. D. cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Câu 4: Toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước được gọi là

- A. tài chính nhà nước. B. kho bạc nhà nước.
C. tiền tệ nhà nước. D. ngân sách nhà nước.

Câu 5: Nhà nước có quyền gì đối với các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước?

- A. quyền sử dụng. B. quyền quyết định.
C. quyền sở hữu. D. quyền sở hữu và quyết định.

Câu 6: Theo quy định của Luật ngân sách, Ngân sách nhà nước gồm khoản chi nào dưới đây?

- A. Cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu. B. Chi đầu tư phát triển.
C. Chi quỹ bảo trợ quốc tế. D. Chi quỹ bảo trợ trẻ em.

Câu 7: Một trong những đặc điểm của ngân sách nhà nước là ngân sách nhà nước

- A. phân chia cho mọi người. B. ai cũng có quyền lấy.
C. có rất nhiều tiền bạc. D. có tính pháp lý cao.

Câu 8: Theo quy định của Luật ngân sách, hoạt động thu, chi của ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc

- A. không hoàn trả trực tiếp. B. thu nhưng không chi.
C. chi nhưng không thu. D. hoàn trả trực tiếp.

Câu 9: Theo quy định của Luật ngân sách, mục đích của việc thu, chi ngân sách nhà nước là gì?

- A. Để có tiền thực hiện hoạt động ngoại giao. B. Để xây dựng các cơ quan Nhà nước.
C. Để tạo nên sự giàu có cho đất nước. D. Để ổn định chính trị-xã hội, phát triển kinh tế.

Câu 10: Việc tạo lập và sử dụng ngân sách nhà nước được tiến hành trên cơ sở

- A. Luật Ngân sách nhà nước. B. nguyện vọng của nhân dân.
C. tác động của quần chúng D. ý chí của nhà nước.

Câu 11: Theo quy định của Luật ngân sách, Ngân sách nhà nước gồm các khoản thu nào dưới đây?

- A. Thu các công trình phát triển nông thôn. B. Thu từ các dịch vụ tư nhân.
C. Thu từ dầu thô, thu nội địa. D. Thu các dịch vụ y tế bắt buộc.

Thông hiểu:

Câu 12: Theo Luật ngân sách nhà nước, nội dung nào dưới đây **không** đúng về vai trò của ngân sách nhà nước?

- A. Ngân sách nhà nước là công cụ để điều tiết thị trường.
- B. Ngân sách nhà nước để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của mọi người dân trong xã hội.
- C. Ngân sách nhà nước duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.
- D. Ngân sách nhà nước điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội.

Câu 13: Ý kiến nào dưới đây **không** đúng khi nói về đặc điểm của ngân sách nhà nước?

- A. Ngân sách nhà nước là các khoản thu chi không được dự toán.
- B. Ngân sách nhà nước phải do Quốc hội thông qua và quyết định.
- C. Ngân sách nhà nước do Chính phủ tổ chức thực hiện.
- D. Ngân sách nhà nước được thiết lập và thực thi vì lợi ích chung.

Câu 14: Theo Luật ngân sách nhà nước, nội dung nào dưới đây phản ánh đúng về ngân sách nhà nước?

- A. Ngân sách nhà nước là quỹ dự trữ tài chính của một quốc gia
- B. Ngân sách nhà nước là toàn bộ vốn của người dân trong một quốc gia.
- C. Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước
- D. Ngân sách nhà nước là toàn bộ tài sản của các doanh nghiệp

Câu 15: Ngân sách nhà nước **không** gồm các khoản chi nào?

- A. Chi cải cách tiền lương.
- B. Các khoản chi quỹ từ thiện.
- C. Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính.
- D. Dự phòng ngân sách nhà nước.

Câu 16: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh vai trò của ngân sách nhà nước?

- A. Duy trì mối quan hệ của các doanh nghiệp.
- B. Tạo một nền tảng chính trị ổn định.
- C. Góp phần đảm bảo an sinh xã hội.
- D. Thúc đẩy và tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển.

Câu 17: Nội dung nào **không** phải là vai trò của ngân sách nhà nước?

- A. Phân phối lại thu nhập cho người dân.
- B. Huy động nguồn vốn cho nền kinh tế.
- C. Công cụ quan trọng để kiểm chế lạm phát.

D. Công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Câu 18: Nhóm chi nào sau đây **không** được tính vào nhóm chi của ngân sách nhà nước?

- A.** Nhóm chi dự trữ quốc gia phục vụ việc dự trữ cho các biến động bất ngờ như dịch bệnh, thiên tai,...
- B.** Nhóm chi thường xuyên nhằm duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước như lương, công tác, hội họp, công tác phí,...
- C.** Nhóm chi trả nợ và viện trợ để Nhà nước trả các khoản vay và thanh toán làm nghĩa vụ quốc tế.
- D.** Nhóm chi đầu tư phát triển nhằm tăng cường cơ sở vật chất và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho doanh nghiệp.

Câu 19: Điều không phải là đặc điểm của ngân sách nhà nước?

- A.** Ngân sách nhà nước thực thi vì lợi ích chung của toàn thể quốc gia.
- B.** Ngân sách nhà nước được Quốc hội giám sát trực tiếp.
- C.** Ngân sách nhà nước tạo lập nguồn vốn lớn cho nền kinh tế.
- D.** Ngân sách nhà nước được thi hành với sự đồng ý của Quốc hội.

Câu 20: Theo Luật ngân sách nhà nước, nội dung nào dưới đây **không** phải là đặc điểm của ngân sách nhà nước?

- A.** Việc tạo lập và sử dụng ngân sách nhà nước phải theo Luật Ngân sách nhà nước.
- B.** Nhà nước là chủ thể duy nhất có quyền quyết định các khoản thu ngân sách
- C.** Ngân sách nhà nước hướng tới mục tiêu giải quyết các quan hệ lợi ích chung
- D.** Nhà nước sẽ hoàn trả cho người dân những khoản mà họ đóng góp vào ngân sách.

GIỚI HẠN PHẦN TỰ LUẬN 10: 3 ĐIỂM

- BÀI 2. Các chủ thể của nền kinh tế: Phần luyện tập (câu vận dụng 1 điểm)
- BÀI 3. Thị trường: Phần luyện tập (câu vận dụng cao 2 điểm)